

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2025/DS-PT
Ngày 10-12-2025
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Giang và Bà Vũ Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 172/2025/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2025/QĐPT-DS ngày 25/11/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn Q** - sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn G, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị C** - sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn F, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lương Công T - sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn F, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng. Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 - Hải Phòng, vắng mặt;

3.2. Ông Lương Văn T1 - sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn F, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng, có mặt;

3.3. Ông Lương Văn T2 - sinh năm 1970, nơi cư trú: Thôn F, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng, có mặt;

3.4. Bà Lương Thị T3 - sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn G, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng, có mặt;

3.5. Bà Ngô Thị T4 - sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn G, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

3.6. Bà Lương Thị T5 - sinh năm 1976 (đã chết); người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T5: Ông Phạm Văn K - sinh năm 1972, chị Phạm Thị T6 -sinh năm 1997, anh Phạm Đình T7 - sinh năm 2001, anh Phạm Đình C1-sinh ngày 12/10/2007; cùng nơi cư trú: Thôn E, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; ông K có mặt, chị T6, anh T7, anh C1 đều vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà **Nguyễn Thị C** - sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn F, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Văn Q trình bày:

Ông là con rể của cụ Lương Văn T8 (chết vào năm 2010) và cụ Phạm Thị M (chết vào năm 2023). Ngày 21/4/2018 cụ Phạm Thị M cùng các con là Lương Công T (chồng của bà Nguyễn Thị C), Lương Văn T1, Lương Văn T2, Lương Thị T3 và Lương Thị T5 đã đồng ý chuyển nhượng cho ông một phần quyền sử dụng đất ao với tổng diện tích là 108,96m² thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng với số tiền là 381.360.000 đồng (Ba trăm tám mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Hai bên đã viết Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất nên các bên không chứng thực được Hợp đồng chuyển nhượng. Ông đã bàn giao đủ số tiền cho cụ M và đã nhận bàn giao diện tích đất ao. Sau khi nhận chuyển nhượng ông đã đổ cát san lấp, xây tường bao xung quanh. Quá trình sử dụng đất, bà Nguyễn Thị C đã có hành vi đặt thùng Container trên đất, cản trở không cho gia đình ông sử dụng. Nay ông khởi kiện, đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/4/2018 đối với diện tích 108,96m² thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng giữa ông và cụ Phạm Thị M cùng các con là Lương Công T, Lương Văn T1, Lương Văn T2, Lương Thị T3, Lương Thị T5 có hiệu lực pháp luật và buộc bà Nguyễn Thị C phải di dời thùng Container (và các tài sản khác nếu có) trả lại mặt bằng cho ông sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bố chồng bà là cụ Lương Văn T8 có diện tích 684m² đất tại thửa đất số 327, 328 tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng, đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/4/1996. Năm 2001 cụ T8 có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Ngô Văn X, bà Ngô Thị T4 đều trú tại Thôn G, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng diện tích 240m² đất ao với giá là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng. Cụ Lương Văn T8 viết giấy vay tiền và chuyển nhượng đất cho ông

Ngô Văn X với giá là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng còn lại 1.000.000 đồng hẹn trả vào năm 2002, có chữ ký và đóng dấu của UBND xã G cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2016 do không có nhu cầu sử dụng nên bà T4 đã chuyển nhượng lại cho bà diện tích ao với giá là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Bà T4 đã bàn giao lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy vay tiền ngày 31/3/2001 và giấy giao kèo ngày 28/01/2002; ngày 20/9/2016 giữa bà và bà Ngô Thị T4 viết giấy chuyển nhượng diện tích 240m² đất ao tại 327 tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện V; ngày 21/9/2016 được chủ tịch UBND xã G xác nhận. Đến năm 2018 ông Phạm Văn Q đã tự ý san lấp một phần diện tích đất ao khoảng 100m² mà bà đã nhận chuyển nhượng từ bà Ngô Thị T4 nên bà đã có đơn gửi UBND xã G và Công an huyện V để giải quyết nhưng ông Q vẫn đòi làm nhà trên diện tích đất này. Bà đã đặt thùng Container trên đất để ngăn chặn ông Q sử dụng diện tích đất này. Do đó, bà đề nghị Toà án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Q. Việc bà Phạm Thị M cùng các con là Lương Công T, Lương Văn T1, Lương Văn T2, Lương Thị T3, Lương Thị T5 chuyển nhượng diện tích 108,96m² đất tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 7 là không đúng quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của đương sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Công T, ông Lương Văn T1, ông Lương Văn T2, bà Lương Thị T3 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lương Thị T5 thống nhất trình bày:

Bố mẹ các ông, (bà) là cụ Lương Văn T8, sinh năm 1934 (chết năm 2010) và cụ Phạm Thị M, sinh năm 1935 (chết năm 2023). Quá trình chung sống cụ T8 và cụ M sinh được 5 người con là Lương Thị T3, Lương Công T, Lương Văn T1, Lương Văn T2 và Lương Thị T5 (bà T5 chết năm 2024 người kế thừa quyền và nghĩa của bà T5 là ông Phạm Văn K, chị Phạm Thị T6, anh Phạm Đình T7, anh Phạm Đình C1 là chồng và các con của bà T5). Ngoài ra cụ T8 và cụ M không có người con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Quá trình chung sống cụ T8 và cụ M tạo lập được khối tài sản chung là diện tích 684m² đất (trong đó có đất ao, đất ở và đất vườn) tại thửa đất số 327, 328 tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng. Cụ T8 chết không để lại di chúc, ngày 21/4/2018 cụ M cùng tất cả các đã đồng ý chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Q diện tích 108,96m² đất ao thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng với tổng số tiền là 381.360.000 đồng. Thời điểm ký giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất mọi người đều tỉnh táo minh mẫn, tự nguyện và không bị ai ép buộc. Ông Q đã bàn giao đủ số tiền cho cụ M và đã nhận quyền sử dụng đất. Hiện ông Q đã san lấp mặt bằng và xây dựng tường bao xung quanh thửa đất. Nay, các ông, (bà) đều xác nhận đã chuyển nhượng cho ông Q phần diện tích đất như nêu trên và đề nghị Toà án công nhận quyền sử dụng hợp pháp diện tích 108,96m² đất ao thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng cho ông Q, công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/4/2018 là có hiệu lực pháp luật.

Tại Biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T4 trình bày:

Vào tháng 01/2001, chồng bà có nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn T8 ở thôn G, xã G, huyện V quyền sử dụng đất ao có diện tích khoảng 240m² thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng. Quá trình thực hiện việc chuyển nhượng là do ông Lương Văn T8 nợ ông Ngô Văn X số tiền 6.000.000 đồng và không có tiền trả nên giữa ông T8 và ông X có viết giấy giao kèo về việc bán đất với giá 7.000.000 đồng, hai bên thoả thuận đến năm 2002 sẽ làm thủ tục bàn giao. Tuy nhiên, ông T8 chỉ bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2006 ông X chết có để lại 01 Giấy vay tiền ngày 31/3/2001; 01 Giấy giao kèo ngày 28/01/2002; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn diện tích đất ao đất vẫn do vợ chồng ông T8 quản lý sử dụng. Đến năm 2016 bà Nguyễn Thị C (là con dâu ông T8) đến xin chuộc lại diện tích đất ao và bà đã đồng ý chuyển nhượng lại cho bà C với giá 20.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng hai bên có viết giấy chuyển nhượng và có xác nhận của Chủ tịch của Ủy ban nhân dân xã G, khi chuyển nhượng bà đã bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy vay tiền và giấy giao kèo giữa ông T8 và ông X cho bà C quản lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 116; 117; 119; 164; 169; 267; 268; 269; 500; 501; 502 và 503 của Bộ luật Dân sự; Các điều 167; 168; 179; 188 của Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/4/2018, giữa cụ Phạm Thị M cùng các con là Lương Công T, Lương Thị T3, Lương Văn T1, Lương Văn T2 và Lương Thị T5 với ông Phạm Văn Q đối với diện tích 108,96m² đất thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; ngày 01/4/1996 được Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G395646 đứng tên cụ Lương Văn T8 là có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bà Nguyễn Thị C phải di dời thùng C2 (và tài sản khác nếu có) khỏi diện tích 108,96m² đất thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng để trả lại mặt bằng cho ông Phạm Văn Q.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/9/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ Bản án sơ

thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu kháng cáo và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ mới. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà C, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật TTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị C, hủy Bản án số 07/2025/DS-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, thành phố Hải Phòng, giao vụ án về cho Tòa án nhân dân khu vực 7 để xét xử lại. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; yêu cầu kháng cáo của đương sự; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 16/9/2025 bà C nộp đơn kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Xét về nội dung và hình thức giao dịch dân sự: Về nguồn gốc thửa đất. Diện tích 108,96m² quyền sử dụng đất thuộc thửa số 327, tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng nằm trong diện tích 684m² của 02 thửa đất số 328 và 327 (thửa đất 327 là đất ao); ngày 01/9/1996 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G395646 đứng tên cụ Lương Văn T8. Diện tích đất này được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của cụ Lương Văn T8 và cụ Phạm Thị M nên đây là tài sản chung của vợ chồng cụ T8 và cụ M, do cụ T8 đã chết trước thời điểm giao dịch nên phần tài sản của cụ T8 sẽ do những người thừa kế của cụ T8 quản lý, sử dụng. Ngày 21/4/2018 cụ Phạm Thị M cùng tất cả các con đã chuyển nhượng một phần diện tích đất ao cho ông Q với tổng diện tích là 108,96m² thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện V (nay là xã V), thành

phố Hải Phòng, với số tiền là 381.360.000 đồng (Ba trăm tám mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Việc các bên thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Hai bên có lập thành văn bản nhưng chưa làm thủ tục công chứng, chứng thực. Các bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng đều xác nhận nội dung sự kiện trên, ông Q đã thanh toán toàn bộ số tiền 381.360.000 đồng cho cụ Phạm Thị M cùng các con, sau đó đã đổ đất san lấp và trồng cây trên diện tích trên. Ông Phạm Văn Q đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của mình và gia đình cụ M đã bàn giao cho ông Q diện tích đất theo hợp đồng để sử dụng.

[2.2] Tuy nhiên trong vụ án này còn có giao dịch giữa cụ T8 và ông Ngô Văn X, bà T4 và bà C, cụ thể: Ngày 31/3/2001 và ngày 28/01/2002, cụ T8 sử dụng phần diện tích (240m²) đất ao thuộc thửa đất 327, tờ bản đồ số 7 để thế chấp cho ông X vay số tiền 7.000.000 đồng. Hai bên chỉ mới cam kết chuyển nhượng chứ chưa thực hiện việc chuyển nhượng diện tích ao cho nhau. Năm 2006 ông Ngô Văn X chết, trước khi chết ông có bàn giao cho vợ là bà Ngô Thị T4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G395646 đứng tên cụ Lương Văn T8 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 01/9/1996; 01 giấy vay tiền đề ngày 31/3/2001 và 01 Giấy giao kèo đề ngày 28/01/2002. Ngày 20/9/2016 bà Ngô Thị T4 đã cho bà Nguyễn Thị C chuộc lại các giấy tờ cũng như diện tích 240m² đất ao với số tiền 20.000.000 đồng, khi chuộc lại các bên đã viết giấy chuyển nhượng và có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã G. Bà C trước đây có khởi kiện nội dung này nhưng sau đó rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Trong vụ án này, ngày 07/5/2025 bà C có đơn yêu cầu phản tố đề nghị tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Q, bà M và các con vô hiệu, đề nghị công nhận hợp đồng giữa bà T4 và bà C là hợp pháp, xác định quyền sử dụng đất là của bà C. Ngày 20/5/2025 bà C lại rút yêu cầu phản tố nên cấp sơ thẩm không xem xét trong vụ án này. HĐXX xét thấy yêu cầu của bà C gắn liền với yêu cầu khởi kiện của ông Q và cần phải xử lý trong cùng vụ án mới giải quyết triệt để vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa yêu cầu của bà C vào giải quyết cùng trong vụ án, trong khi đó lại công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Q với cụ M cùng các con và xác định quyền sử dụng đất là của ông Q là chưa đủ căn cứ. HĐXX phúc thẩm không thể khắc phục được.

[2.3] Từ phân tích trên, áp dụng khoản 3 Điều 308, 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà C, Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng) về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị C số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002590 của Thi hành án dân sự thành phố H ngày 25 tháng 9 năm 2025. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Phòng GD,KT,TT&THA TAND TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 7 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân